

Số: 19 /2017/CBTT-TCKT
(V/v : Công bố thông tin BCTC
Kiểm toán 2016)

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2017

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

1. Tên đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN SCI**
2. Mã chứng khoán : **S 99**
3. Trụ sở chính: **T3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm , TP Hà Nội**
4. Điện thoại: **(84.4) 3 768 4495** Fax: **(84.4) 3 768 4490**
5. Người thực hiện công bố thông tin : **Ông Cao Lữ Phi Hùng – Kế toán trưởng**
6. Nội dung của thông tin công bố :

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của công ty mẹ năm 2016 của Công ty cổ phần SCI được ký ngày 30/03/2017.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính : **www.sci.pro.vn**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- P.TCKT, HCNS

Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc 



Lương Thanh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-40
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-40

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SCI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần SCI (tên cũ là Công ty Cổ phần Sông Đà 909), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 25 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	
Ông Lê Việt Dũng	Ủy viên	
Ông Lương Thanh Tùng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Văn Phúc	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 29/04/2016
Ông Đoàn Thế Anh	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 29/04/2016
Ông Nguyễn Văn Hạnh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29/04/2016
Ông Lê Tiến Nam	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29/04/2016

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lương Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	
Ông Đoàn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quốc Chế	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 29/04/2016

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phan Dương Mạnh	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 05/05/2016
Ông Nguyễn Đức Lương	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 25/04/2016
Ông Phan Thanh Hải	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 29/04/2016
Ông Trần Kim Sơn	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 29/04/2016
Bà Lê Thị Minh Huyền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/04/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần SCI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần SCI được lập ngày 28 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		291.856.053.599	372.054.417.489
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	3.745.149.528	14.565.244.126
111	1. Tiền		3.745.149.528	14.565.244.126
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	154.431.548.492	178.736.391.092
121	1. Chứng khoán kinh doanh		40.912.601.561	187.530.700.506
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(6.481.053.069)	(8.794.309.414)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		120.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		121.420.239.328	157.751.276.298
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	84.810.971.491	75.775.124.094
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	5.305.491.389	4.276.839.843
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	14.200.000.000	2.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	35.263.956.398	82.203.007.051
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(18.160.179.950)	(6.503.694.690)
140	IV. Hàng tồn kho	10	11.072.861.385	18.799.432.750
141	1. Hàng tồn kho		11.072.861.385	18.799.432.750
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.186.254.865	2.202.073.223
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	87.104.022	253.641.355
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.099.150.843	1.948.431.868
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		280.206.455.793	182.151.650.126
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		220.000.000	220.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	220.000.000	220.000.000
220	II. Tài sản cố định		18.081.235.526	20.205.345.829
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	17.971.860.571	20.083.470.870
222	- Nguyên giá		58.616.543.101	55.992.963.820
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(40.644.682.530)	(35.909.492.950)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	109.374.955	121.874.959
228	- Nguyên giá		342.500.000	342.500.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(233.125.045)	(220.625.041)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	90.909.091	4.963.712.959
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		90.909.091	4.963.712.959
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	259.884.316.111	155.106.250.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		174.334.316.111	74.556.250.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		85.550.000.000	80.550.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.929.995.065	1.656.341.338
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	1.929.995.065	1.656.341.338
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>572.062.509.392</u>	<u>554.206.067.615</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		138.874.853.900	137.373.385.109
310	I. Nợ ngắn hạn		46.647.038.900	52.316.570.109
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	23.518.128.055	5.934.309.371
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		768.660.508	2.229.438.938
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	5.461.389.923	6.489.572.258
314	4. Phải trả người lao động		838.316.604	3.975.687.262
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	9.805.245.041	4.252.002.523
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	2.265.233.929	28.608.494.917
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	3.188.000.000	-
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		802.064.840	827.064.840
330	II. Nợ dài hạn		92.227.815.000	85.056.815.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	56.815.000	56.815.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	92.171.000.000	85.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		433.187.655.492	416.832.682.506
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	433.187.655.492	416.832.682.506
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		388.491.390.000	370.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>388.491.390.000</i>	<i>370.000.000.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		982.166.000	982.166.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		8.192.087.059	8.192.087.059
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		35.522.012.433	37.658.429.447
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>19.167.039.447</i>	<i>19.977.576.459</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>16.354.972.986</i>	<i>17.680.852.988</i>
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		572.062.509.392	554.206.067.615

Nguyễn Thị Tú Quỳnh
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởng



Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	115.161.749.106	53.873.090.921
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		115.161.749.106	53.873.090.921
11	4. Giá vốn hàng bán	23	106.274.751.922	54.535.492.502
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.886.997.184	(662.401.581)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	70.422.720.248	69.156.319.092
22	7. Chi phí tài chính	25	33.166.159.294	44.242.951.610
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		11.955.242.392	2.202.879.693
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24.695.449.885	10.649.887.970
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		21.448.108.253	13.601.077.931
31	11. Thu nhập khác	27	2.244.183.820	17.066.887.422
32	12. Chi phí khác	28	4.726.099.277	8.391.454.714
40	13. Lợi nhuận khác		(2.481.915.457)	8.675.432.708
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.966.192.796	22.276.510.639
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	2.118.317.851	4.595.657.651
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>16.847.874.945</u>	<u>17.680.852.988</u>

Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Nguyễn Thị Tú Quỳnh
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng

Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởng



Lương Thanh Tùng
Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2016
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		18.966.192.796	22.276.510.639
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5.053.339.899	4.410.452.093
03	- Các khoản dự phòng		9.343.228.915	7.875.276.484
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(15.662.980.252)	(10.121.617.808)
06	- Chi phí lãi vay		11.955.242.392	2.202.879.693
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		29.655.023.750	26.643.501.101
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		43.441.619.553	(67.887.952.555)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		7.726.571.365	4.000.633.252
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(8.040.169.156)	14.281.386.924
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(107.116.394)	(1.105.035.120)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		146.618.098.945	(164.912.541.718)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(11.963.315.004)	(2.057.301.396)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.902.607.292)	(5.572.953.695)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(517.901.959)	(266.300.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		203.910.203.808	(196.876.563.207)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(90.909.091)	(16.670.071.951)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	56.264.395.415
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(135.000.000.000)	(2.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.800.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(104.778.066.111)	(154.556.250.000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.979.676.796	1.947.991.377
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(225.089.298.406)	(115.013.935.159)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	245.030.710.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		12.750.000.000	96.003.500.947
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(2.391.000.000)	(29.585.408.209)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		10.359.000.000	311.448.802.738
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(10.820.094.598)	(441.695.628)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2016
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		14.565.244.126	15.006.939.754
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>3.745.149.528</u>	<u>14.565.244.126</u>

Nguyễn Thị Tú Quỳnh
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởng



Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SCI (tên cũ là Công ty Cổ phần Sông Đà 909), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 25 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 388.491.390.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 388.491.390.000 đồng; tương đương 38.849.139 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu S99.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ liên quan đến xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Nhận thầu thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, bưu điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây và trạm biến thế điện, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, lắp đặt hệ thống điện lạnh, nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong năm 2016, Công ty đã thực hiện ký kết và thực hiện một số hợp đồng xây dựng có giá trị lớn, đồng thời đẩy mạnh đầu tư máy thi công để thực hiện dịch vụ cho thuê máy tại các công trình. Nhờ đó, doanh thu và lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng lên đáng kể so với năm 2015.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 909 - Trung tâm Cung ứng nhân lực Quốc tế (*)	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động
Xí nghiệp 1 - Công ty Cổ phần Sông Đà 909	Lai Châu	Thi công xây lắp

(*) Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 909 - Trung tâm Cung ứng nhân lực Quốc tế chấm dứt hoạt động kể từ ngày 15/03/2016 theo Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐQT ngày 10/03/2016 của Hội đồng quản trị Công ty.

Thông tin về các công ty con của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: trái phiếu, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |
| - Phần mềm quản lý | 03 - 05 năm |

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.



Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hợp đồng xây lắp đã thực hiện trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

311110
CÔNG T
NHIỆM HỮ
KIỂM T
ASC
TAM-TP

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	436.151.949	354.279.891
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.308.997.579	14.210.964.235
	<u><u>3.745.149.528</u></u>	<u><u>14.565.244.126</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	120.000.000.000	120.000.000.000	-	-
- Hợp đồng ủy thác đầu tư (*)	120.000.000.000	120.000.000.000	-	-
	<u>120.000.000.000</u>	<u>120.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(*) Số dư phản ánh khoản ủy thác đầu tư cho Công ty Cổ phần Quản lý quỹ IB theo hợp đồng quản lý đầu tư số 10/2016/HĐQL/IBFM-SCI ngày 27/06/2016. Tại thời điểm 31/12/2016, danh mục ủy thác đầu tư của Công ty là 120 trái phiếu doanh nghiệp với tổng giá trị là 120 tỷ đồng.

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	40.912.601.561	35.628.452.435	(6.481.053.069)	187.530.700.506	218.680.013.500	(8.794.309.414)
SDA	7.410.000.000	3.466.664.000	(3.943.336.000)	7.410.000.000	7.366.661.000	(43.339.000)
PCT	18.212.390.992	18.890.100.000	-	18.212.390.992	23.717.570.000	-
DDV	5.401.440.000	3.511.900.000	(1.889.540.000)	-	-	-
GEX	-	-	-	88.500.000.000	115.000.000.000	-
STG	3.877.500.000	4.108.500.000	-	26.271.046.600	34.109.390.000	-
VHG	-	-	-	41.656.800.000	33.707.700.000	(7.949.100.000)
Cổ phiếu khác	6.011.270.569	5.651.288.435	(648.177.069)	5.480.462.914	4.778.692.500	(801.870.414)
	<u>40.912.601.561</u>	<u>35.628.452.435</u>	<u>(6.481.053.069)</u>	<u>187.530.700.506</u>	<u>218.680.013.500</u>	<u>(8.794.309.414)</u>

(*) Cơ sở xác định giá trị hợp lý các chứng khoán kinh doanh của Công ty là giá thị trường trên sàn Hà Nội, sàn Hồ Chí Minh và sàn Upcom lần lượt tại thời điểm 31/12/2016 và 01/01/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
 Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	174.334.316.111	-	74.556.250.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9	62.056.250.000	-	62.056.250.000	-
- Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An	112.278.066.111	-	12.500.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	85.550.000.000	-	80.550.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển khu Kinh tế Hải Hà	550.000.000	-	550.000.000	-
- Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	37.000.000.000	-	37.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	18.000.000.000	-	13.000.000.000	-
- Quỹ đầu tư khám phá giá trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (*)	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
	259.884.316.111	-	155.106.250.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Theo Biên bản thỏa thuận góp vốn ngày 03/09/2015 về việc thành lập Quỹ đầu tư khám phá giá trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam giữa Công ty Cổ phần SCI với Công ty Cổ phần Chứng khoán IB, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện và Công ty Cổ phần FTG Việt Nam:

- Thời gian hoạt động của quỹ: 05 năm;
- Vốn điều lệ dự kiến: 100 tỷ đồng. Vốn thực góp tại 31/12/2016 là 100 tỷ đồng;
- Vốn cam kết góp của Công ty Cổ phần SCI: 30 tỷ đồng;
- Lĩnh vực và mục tiêu đầu tư: Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu chưa niêm yết, các doanh nghiệp IPO, các doanh nghiệp thoái vốn Nhà nước, trở thành cổ đông lớn trong các doanh nghiệp dự định đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
 Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9	Hà Nội	51,00%	51,00%	Chế tạo, lắp đặt cơ khí, xây dựng công trình và hạ tầng
Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An	Nghệ An	100,00%	100,00%	Xây dựng thủy điện

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con trong năm: Xem thuyết minh số 35.

Đầu tư vào đơn vị khác

<u>Tên công ty nhận đầu tư</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	Hà Nội	14,29%	14,29%	Phát triển dự án và thi công xây dựng
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Lai Châu	8,00%	8,00%	Đầu tư, thi công thủy điện

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty CP Kho vận Miền Nam	19.197.109.863	-
- Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	13.573.436.366	12.536.834.013
- Liên danh CMC/ITD/Sông Đà	9.925.899.638	-
- Ban Điều hành thủy điện Sơn La	19.508.203.926	19.598.923.915
- Ban Điều hành Dự án thủy điện Lai Châu	9.309.699.230	8.901.147.230
- Văn phòng đại diện Tổng Công ty Sông Đà - Ban điều hành dự án Thủy điện Lai Châu	1.455.563.364	13.186.100.636
- Các khoản phải thu khách hàng khác	11.841.059.104	21.552.118.300
	<u>84.810.971.491</u>	<u>75.775.124.094</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	<u>13.671.344.366</u>	<u>12.578.534.013</u>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.		

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi tiết khoản trả trước theo đối tượng:				
- Công ty CP Tư vấn XD và TM Tây Nguyên	607.036.800	-	-	-
- Công ty CP Tư vấn Phát triển Năng lượng Việt Nam	840.000.000	(840.000.000)	840.000.000	(840.000.000)
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Đại Phát	651.111.400	-	-	-
- Công ty TNHH Long Hoa	2.553.753.000	(1.276.876.500)	2.553.753.000	-
- Trả trước cho người bán khác	653.590.189	(520.481.458)	883.086.843	(452.460.000)
	<u>5.305.491.389</u>	<u>(2.637.357.958)</u>	<u>4.276.839.843</u>	<u>(1.292.460.000)</u>

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thành Vinh	-	2.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9 (1)	14.200.000.000	-
	<u>14.200.000.000</u>	<u>2.000.000.000</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng cho vay số 05032016/SCI-SICCO ngày 05/03/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 15.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của bên vay;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 11/03/2016);
- + Lãi suất cho vay: 9,0%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.690.267.497	-	13.222.222	-
Phải thu về kinh phí công đoàn	6.451.250	-	7.604.700	-
Tạm ứng	4.551.564.584	-	18.243.030.594	-
Ký cược, ký quỹ	16.000.000	-	1.016.000.000	-
Phải thu tiền bán cổ phiếu	-	-	47.509.573.500	-
Phải thu tiền giao dịch tại các công ty chứng khoán	8.171.397.525	-	13.787.751.851	-
Phải thu Công ty CP Bất động sản Phú Gia	95.117.575	-	95.117.575	-
Phải thu Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thành Vinh	1.200.000.000	-	-	-
Phải thu khác	15.533.157.967	(5.209.909.133)	1.530.706.609	(28.311.032)
	35.263.956.398	(5.209.909.133)	82.203.007.051	(28.311.032)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	220.000.000	-	220.000.000	-
	220.000.000	-	220.000.000	-

9 . NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Ban điều hành Thủy điện Sơn La - Công trình thủy điện Nậm Chiến	14.013.038.180	7.006.519.090	12.373.818.927	8.661.673.249
- Các khoản khác	28.610.399.553	17.456.738.693	3.250.599.980	459.050.968
	42.623.437.733	24.463.257.783	15.624.418.907	9.120.724.217

Giá trị có thể thu hồi được Công ty xác định bằng giá trị còn lại của khoản nợ sau khi đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	460.143.421	-	2.792.016.457	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.612.717.964	-	16.007.416.293	-
Công trình thủy điện Lai Châu	9.387.160.719	-	11.595.684.406	-
Các công trình khác	1.225.557.245	-	4.411.731.887	-
	11.072.861.385	-	18.799.432.750	-

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	90.909.091	1.993.741.819
- Dự án Mỏ đá Nhà Lương, Mỏ đá núi Chùa - Công ty Cổ phần Sông Đà Hồng Lĩnh (1)	-	1.993.741.819
- Dự án Thủy điện Nậm Xe (2)	27.272.727	-
- Dự án Thủy điện Nậm Lụm (2)	63.636.364	-
Nâng cấp tài sản cố định	-	2.939.971.140
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	30.000.000
- Máy móc thiết bị	-	30.000.000
	90.909.091	4.963.712.959

(1) Dự án mỏ đá Nhà Lương và dự án khai thác mỏ đất san lấp núi Chùa được khởi công xây dựng từ năm 2010 với tổng mức đầu tư dự kiến lần lượt là 43,18 tỷ đồng và 27,80 tỷ đồng, thời gian thi công dự kiến là đến quý IV/2012 đi vào khai thác. Tuy nhiên, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã cho tạm dừng dự án để cho phép một doanh nghiệp khác thực hiện Đề án xây dựng Thiền viện Trúc lâm Hồng Lĩnh. Theo đó, UBND tỉnh Hà Tĩnh sẽ ưu tiên cho Công ty có mỏ đá khảo sát tại vị trí mới, đồng thời sẽ tính toán kinh phí bồi thường và hỗ trợ cho Công ty. Theo Nghị quyết HĐQT số 47/2016-HĐQT-NQ ngày 26/09/2016, Công ty quyết định dừng thực hiện dự án này và tiến hành các thủ tục xin bồi thường. Tại ngày 31/12/2016, Công ty và UBND tỉnh Hà Tĩnh vẫn chưa thống nhất được mức bồi thường mà Công ty được nhận. Toàn bộ chi phí thực hiện các dự án này đã được Công ty ghi nhận vào Chi phí khác trong năm 2016.

(2) Dự án Thủy điện Nậm Xe và Dự án Thủy điện Nậm Lụm được phê duyệt nghiên cứu khảo sát, lập dự án đầu tư theo Nghị quyết số 01a/2016/NQ-HĐQT ngày 05/01/2016. Tại thời điểm 31/12/2016, chi phí của dự án bao gồm các chi phí nghiên cứu, tư vấn, khảo sát, thăm dò dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Quận
Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	34.727.860.183	20.976.561.763	288.541.874	55.992.963.820
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.919.284.596	1.009.945.000	-	2.929.229.596
- Phân loại lại	(7.487.543.905)	7.487.543.905	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(114.285.714)	-	(191.364.601)	(305.650.315)
Số dư cuối năm	29.045.315.160	29.474.050.668	97.177.273	58.616.543.101
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	24.156.483.485	11.464.467.591	288.541.874	35.909.492.950
- Khấu hao trong năm	2.302.854.771	2.737.985.124	-	5.040.839.895
- Phân loại lại	(7.695.776.415)	7.695.776.415	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(114.285.714)	-	(191.364.601)	(305.650.315)
Số dư cuối năm	18.649.276.127	21.898.229.130	97.177.273	40.644.682.530
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	10.571.376.698	9.512.094.172	-	20.083.470.870
Tại ngày cuối năm	10.396.039.033	7.575.821.538	-	17.971.860.571

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 13.581.385.256 đồng;
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.496.207.705 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Nhãn hiệu, thương hiệu VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	92.500.000	250.000.000	342.500.000
Số dư cuối năm	<u>92.500.000</u>	<u>250.000.000</u>	<u>342.500.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	92.500.000	128.125.041	220.625.041
- Khấu hao trong năm	-	12.500.004	12.500.004
Số dư cuối năm	<u>92.500.000</u>	<u>140.625.045</u>	<u>233.125.045</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	121.874.959	121.874.959
Tại ngày cuối năm	<u>-</u>	<u>109.374.955</u>	<u>109.374.955</u>

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước về thuê văn phòng và bếp ăn	-	155.387.034
Công cụ dụng cụ xuất dùng	21.584.022	17.694.774
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	65.520.000	80.559.547
	<u>87.104.022</u>	<u>253.641.355</u>
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.133.474.556	918.308.060
Phí tư vấn thiết kế Logo và Slogan	166.585.833	401.765.833
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	157.712.454	248.745.112
Chi phí trả trước dài hạn khác	472.222.222	87.522.333
	<u>1.929.995.065</u>	<u>1.656.341.338</u>

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9	20.120.406.302	20.120.406.302	1.906.361.166	1.906.361.166
Công ty Cổ phần Sông Đà 704	721.491.238	721.491.238	790.894.638	790.894.638
Phải trả các đối tượng khác	2.676.230.515	2.676.230.515	3.237.053.567	3.237.053.567
	<u>23.518.128.055</u>	<u>23.518.128.055</u>	<u>5.934.309.371</u>	<u>5.934.309.371</u>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	<u>20.120.406.302</u>	<u>20.120.406.302</u>	<u>1.906.361.166</u>	<u>1.906.361.166</u>
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.)				

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
 Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	264.924.894	302.328.056	567.252.950	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	6.224.647.364	2.118.317.851	2.902.607.292	-	5.440.357.923
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	295.711.897	274.679.897	-	21.032.000
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	-	6.489.572.258	2.720.357.804	3.748.540.139	-	5.461.389.923

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	157.205.166	165.277.778
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn công trình	9.338.207.855	3.892.069.445
- Chi phí phải trả khác	309.832.020	194.655.300
	<u><u>9.805.245.041</u></u>	<u><u>4.252.002.523</u></u>

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	230.037.900	284.465.410
- Bảo hiểm xã hội	32.027.693	61.201.724
- Phải trả thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	519.000.000	831.298.041
- Phải trả tiền mua chứng khoán	-	17.450.909.300
- Phải trả tiền giao dịch ký quỹ tại công ty chứng khoán	-	8.012.447.697
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.484.168.336	1.968.172.745
	<u><u>2.265.233.929</u></u>	<u><u>28.608.494.917</u></u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	56.815.000	56.815.000
	<u><u>56.815.000</u></u>	<u><u>56.815.000</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Nợ dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	-	-	3.985.000.000	797.000.000	3.188.000.000	3.188.000.000
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>3.985.000.000</u>	<u>797.000.000</u>	<u>3.188.000.000</u>	<u>3.188.000.000</u>
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	-	-	12.750.000.000	2.391.000.000	10.359.000.000	10.359.000.000
- Trái phiếu thường	85.000.000.000	85.000.000.000	-	-	85.000.000.000	85.000.000.000
	<u>85.000.000.000</u>	<u>85.000.000.000</u>	<u>12.750.000.000</u>	<u>2.391.000.000</u>	<u>95.359.000.000</u>	<u>95.359.000.000</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	(3.985.000.000)	(797.000.000)	(3.188.000.000)	(3.188.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>85.000.000.000</u>	<u>85.000.000.000</u>			<u>92.171.000.000</u>	<u>92.171.000.000</u>



Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Hợp đồng tín dụng từng lần số 16008/TH/HĐTĐ.DAH ngày 19 tháng 2 năm 2016 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 12.750.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: được sử dụng để bù đắp tiền mua máy móc, thiết bị phương tiện vận tải đã đầu tư để nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015;
- + Thời hạn của cho vay: 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- + Lãi suất cho vay: đối với khoản giải ngân trước 31/3/2016 là 9%/năm; đối với khoản giải ngân sau 31/3/2016: áp dụng theo thông báo của VCB Đông Anh tại thời điểm nhận nợ, điều chỉnh 03 tháng/lần;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được đảm bảo bằng tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 10.359.000.000 đồng, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong năm 2017 là 3.188.000.000 đồng.

Thông tin chi tiết liên quan đến trái phiếu phát hành:

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
	VND			VND		
Trái phiếu phát hành	85.000.000.000			85.000.000.000		
- Loại phát hành theo mệnh giá	85.000.000.000	10,0%	36 tháng	85.000.000.000	10,0%	36 tháng
	85.000.000.000			85.000.000.000		

Trong năm 2015, Công ty phát hành 85 trái phiếu với kỳ hạn 36 tháng với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu. Lãi suất áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 10%/năm, các kỳ sau được điều chỉnh theo lãi suất ngân hàng tại từng thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	124.969.290.000	982.166.000	6.050.945.031	24.364.189.501	156.366.590.532
Tăng vốn trong năm trước	245.030.710.000	-	-	-	245.030.710.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	17.680.852.988	17.680.852.988
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.141.142.028	(3.211.713.042)	(1.070.571.014)
Trích thù lao HĐQT và BKS trên Lợi nhuận năm 2014	-	-	-	(474.700.000)	(474.700.000)
Tạm ứng thù lao HĐQT và BKS năm 2015	-	-	-	(700.200.000)	(700.200.000)
Số dư cuối năm trước	370.000.000.000	982.166.000	8.192.087.059	37.658.429.447	416.832.682.506
Số dư đầu năm nay	370.000.000.000	982.166.000	8.192.087.059	37.658.429.447	416.832.682.506
Tăng vốn trong năm nay ⁽¹⁾	18.491.390.000	-	-	(18.491.390.000)	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	16.847.874.945	16.847.874.945
Tạm ứng thù lao HĐQT và BKS năm 2016 ⁽²⁾	-	-	-	(492.901.959)	(492.901.959)
Số dư cuối năm nay	388.491.390.000	982.166.000	8.192.087.059	35.522.012.433	433.187.655.492

(1) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 42/2016/NQ-HĐQT ngày 11/07/2016, Công ty quyết định phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 5%, số lượng cổ phiếu dự kiến 1.850.000 cổ phiếu, nguồn vốn thực hiện lấy từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến ngày 31/12/2015 trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty. Ngày 29/09/2016, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành thông báo chấp thuận niêm yết bổ sung với số lượng cổ phiếu được niêm yết bổ sung của Công ty là 1.849.139 cổ phiếu.

(2) Trong năm, Công ty đã tạm ứng thù lao HĐQT và BKS năm 2016 theo dự toán thù lao HĐQT và BKS được Đại hội đồng Cổ đông thông qua theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 30/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 04 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 30/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 04 năm 2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Số tiền
	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2015	17.680.852.988
Lợi nhuận còn lại chưa chia các năm trước	19.977.576.459
Tổng lợi nhuận còn lại chưa chia các năm trước	37.658.429.447
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (bằng 5% vốn điều lệ) (*)	18.491.390.000
Lợi nhuận chưa phân phối	19.167.039.447

(*) Ngày 15/08/2016, Công ty có Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với nội dung:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 1.850.000 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu đã phân phối: 1.849.139 cổ phiếu;
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số cổ phiếu mới phát hành được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Số cổ phiếu lẻ phát sinh là 861 cổ phiếu lẻ đã bị hủy bỏ.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
Vốn góp của các cổ đông	100,00%	388.491.390.000	100,00%	370.000.000.000
	<u>100%</u>	<u>388.491.390.000</u>	<u>100%</u>	<u>370.000.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	388.491.390.000	370.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>370.000.000.000</i>	<i>124.969.290.000</i>
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	<i>18.491.390.000</i>	<i>245.030.710.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>388.491.390.000</i>	<i>370.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18.491.390.000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>18.491.390.000</i>	<i>-</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.849.139	37.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	38.849.139	37.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>38.849.139</i>	<i>37.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.849.139	37.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>38.849.139</i>	<i>37.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	8.192.087.059	8.192.087.059
	<u>8.192.087.059</u>	<u>8.192.087.059</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	100,46	-

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	103.131.920.896	43.195.192.479
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.029.828.210	10.677.898.442
	<u>115.161.749.106</u>	<u>53.873.090.921</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.)	<u>10.474.058.766</u>	<u>2.730.000.000</u>

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	100.794.093.541	44.398.152.457
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.480.658.381	10.137.340.045
	<u>106.274.751.922</u>	<u>54.535.492.502</u>

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	8.606.608.571	405.335.105
Lãi bán các khoản đầu tư	52.668.241.116	67.189.483.987
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.050.113.500	1.561.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	97.757.061	-
	<u>70.422.720.248</u>	<u>69.156.319.092</u>

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	11.955.242.392	2.202.879.693
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	21.641.552.786	32.895.902.191
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(2.313.256.345)	8.420.618.581
Chi phí tài chính khác	1.882.620.461	723.551.145
	<u>33.166.159.294</u>	<u>44.242.951.610</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.329.193.883	1.361.698.315
Chi phí nhân công	5.295.633.159	4.394.164.373
Chi phí khấu hao tài sản cố định	996.268.222	690.213.409
Thuế, phí, lệ phí	174.362.718	348.001.416
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	11.656.485.260	(32.558.665)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.896.262.078	1.472.620.640
Chi phí khác bằng tiền	2.347.244.565	2.415.748.482
	24.695.449.885	10.649.887.970

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	8.154.782.703
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	-	512.783.432
Cho thuê văn phòng và tiền điện	1.652.756.354	751.663.107
Chuyển nhượng dự án Phình Hồ	-	7.266.205.083
Chuyển nhượng dự án đất Tân Vạn	-	46.867.055
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	260.996.067	-
Thu nhập khác	330.431.399	334.586.042
	2.244.183.820	17.066.887.422

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí thi công Dự án Mỏ đá Nhà Lương, Mỏ đá Núi Chua	1.993.741.819	-
Chi phí cho thuê văn phòng và tiền điện	1.795.851.301	751.663.108
Chi phí dự án Phình Hồ	-	7.266.205.083
Các khoản bị phạt	436.204.131	89.214.496
Chi phí thanh lý CCDC	260.996.067	-
Chi phí khác	239.305.959	284.372.027
	4.726.099.277	8.391.454.714

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.966.192.796	21.673.391.703
Các khoản điều chỉnh tăng	675.509.966	174.342.320
- Chi phí không hợp lệ	675.509.966	174.342.320
Các khoản điều chỉnh giảm	(9.050.113.500)	(1.561.500.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(9.050.113.500)	(1.561.500.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	10.591.589.262	20.286.234.023
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.118.317.851	4.462.971.485
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	2.508.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	6.090.146.232	6.329.736.664
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.902.607.292)	(4.705.069.917)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh chính	5.305.856.791	6.090.146.232
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	-	603.118.936
Thu nhập tính thuế TNDN	-	603.118.936
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	132.686.166
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	134.501.132	869.698.744
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	(867.883.778)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	134.501.132	134.501.132
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.118.317.851	4.595.657.651
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	5.440.357.923	6.224.647.364

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.617.068.173	24.206.960.957
Chi phí nhân công	4.940.719.603	20.537.189.227
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.815.504.246	4.410.452.093
Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.280.989.372	11.307.868.325
Chi phí khác bằng tiền	3.264.736.824	5.496.702.883
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	11.656.485.260	(32.558.665)
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	125.575.503.478	65.926.614.820

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.745.149.528	-	14.565.244.126	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	120.294.927.889	(15.522.821.992)	158.198.131.145	(5.211.234.690)
Các khoản cho vay	14.200.000.000	-	2.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	160.912.601.561	(6.481.053.069)	187.530.700.506	(8.794.309.414)
Đầu tư dài hạn	85.550.000.000	-	80.550.000.000	-
	<u>384.702.678.979</u>	<u>(22.003.875.061)</u>	<u>442.844.075.777</u>	<u>(14.005.544.104)</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			95.359.000.000	85.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác			25.840.176.984	34.599.619.288
Chi phí phải trả			9.805.245.041	4.252.002.523
			<u>131.004.422.025</u>	<u>123.851.621.811</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.745.149.528	-	-	3.745.149.528
Phải thu khách hàng, phải thu khác	104.552.105.897	220.000.000	-	104.772.105.897
Các khoản cho vay	14.200.000.000	-	-	14.200.000.000
Đầu tư ngắn hạn	154.431.548.492	-	-	154.431.548.492
Đầu tư dài hạn	-	85.550.000.000	-	85.550.000.000
	276.928.803.918	85.770.000.000	-	362.698.803.918
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.565.244.126	-	-	14.565.244.126
Phải thu khách hàng, phải thu khác	152.766.896.455	220.000.000	-	152.986.896.455
Các khoản cho vay	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	178.736.391.092	-	-	178.736.391.092
Đầu tư dài hạn	-	80.550.000.000	-	80.550.000.000
	348.068.531.673	80.770.000.000	-	428.838.531.673

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	3.188.000.000	92.171.000.000	-	95.359.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	25.783.361.984	56.815.000	-	25.840.176.984
Chi phí phải trả	9.805.245.041	-	-	9.805.245.041
	38.776.607.025	92.227.815.000	-	131.004.422.025
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	-	85.000.000.000	-	85.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	34.542.804.288	56.815.000	-	34.599.619.288
Chi phí phải trả	4.252.002.523	-	-	4.252.002.523
	38.794.806.811	85.056.815.000	-	123.851.621.811

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	12.750.000.000	96.003.500.947
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	2.391.000.000	29.585.408.209

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ liên quan đến xây lắp và diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng và cung cấp dịch vụ		10.474.058.766	2.730.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Công ty con	10.311.693.312	2.700.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An	Công ty con	162.365.454	30.000.000
Cho thuê văn phòng và thu nhập khác		1.308.441.576	80.447.947
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Công ty con	1.308.441.576	72.538.856
Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An	Công ty con	-	7.909.091
Mua hàng hóa, dịch vụ		89.714.996.842	1.098.970.323
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Công ty con	89.714.996.842	1.098.970.323
Tiền lãi vay		1.071.800.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Công ty con	1.071.800.000	-
Góp vốn kinh doanh		99.778.066.111	7.278.530.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Công ty con	-	7.278.530.000
Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An	Công ty con	99.778.066.111	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		13.671.344.366	12.578.534.013
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Công ty con	13.573.436.366	12.536.834.013
Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An	Công ty con	97.908.000	41.700.000
Phải thu khác		48.859.000	44.359.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Công ty con	48.859.000	44.359.000
Phải trả người bán ngắn hạn		20.120.406.302	1.906.361.166
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Công ty con	20.120.406.302	1.906.361.166
Phải thu về cho vay ngắn hạn		14.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Công ty con	14.200.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.726.600.000	1.352.176.079

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thị Tú Quỳnh
Người lập



Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởng



Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

